

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2015/QĐ-UBND

Thủ Dầu Một, ngày 23 tháng 3 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về việc miễn, giảm
tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng
trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 35/2007/PL-UBTVQH11 ngày 21 tháng 6 năm 2007;

Căn cứ Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Nghị định số 34/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về quản lý sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 118/TTg ngày 27 tháng 02 năm 1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở;

Căn cứ Quyết định số 20/2000/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ người hoạt động cách mạng từ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 cải thiện nhà ở;

Căn cứ Quyết định số 117/2007/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 118/TTg ngày 27 tháng 02 năm 1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở và Điều 3 Quyết định số 20/2000/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ người hoạt động cách mạng từ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 cải thiện nhà ở;

Căn cứ Thông tư số 14/2013/TT-BXD ngày 19 tháng 9 năm 2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 34/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về quản lý sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế tại Tờ trình số 690/TTr-CT ngày 19 tháng 01 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy định về việc miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 68/2009/QĐ-UBND ngày 25/9/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về việc giải quyết miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh Xã hội, Tài chính, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các ban, ngành và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đã ký: Trần Văn Nam

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về việc miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với
người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Bình Dương**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-UBND
ngày 23/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi, đối tượng miễn, giảm

1. Quy định này quy định về việc thực hiện miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng hoặc thân nhân của người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Bình Dương khi mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; được Nhà nước giao đất ở; được phép chuyển mục đích sử dụng từ đất khác sang đất ở; được công nhận quyền sử dụng đất đối với đất ở.

2. Đối tượng được miễn, giảm tiền sử dụng đất theo Quy định này bao gồm:

- a) Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945;
- b) Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến trước Tổng khởi nghĩa 19 tháng Tám năm 1945;
- c) Thân nhân liệt sỹ;
- d) Bà mẹ Việt Nam Anh hùng;
- đ) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân
- e) Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;
- g) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;
- h) Bệnh binh;
- i) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;
- k) Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày;
- l) Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế;
- m) Người có công giúp đỡ cách mạng.

3. Đối tượng được miễn, giảm tiền sử dụng đất theo Quy định này là người có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bình Dương và có hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Dương quản lý.

Điều 2. Nguyên tắc miễn, giảm

1. Việc miễn, giảm tiền sử dụng đất theo Quy định này chỉ được thực hiện một lần đối với một hộ gia đình hoặc cá nhân; mức miễn, giảm được tính theo diện tích đất thực tế sử dụng nhưng tối đa không vượt quá hạn mức đất ở cho hộ gia đình, cá nhân do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm nộp đủ hồ sơ đề nghị miễn, giảm tiền sử dụng đất; trừ các trường hợp có quy định cụ thể về diện tích đất ở được miễn tiền sử dụng đất tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 3 của Quy định này.

2. Trường hợp một hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được hưởng cả miễn và giảm tiền sử dụng đất theo Điều 3, Điều 4 Quy định này thì được miễn tiền sử dụng đất; trường hợp hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được giảm tiền sử dụng đất theo Điều 4 Quy định này nhưng có nhiều mức giảm khác nhau thì được hưởng mức giảm cao nhất.

3. Trong một hộ gia đình có nhiều thành viên thuộc diện được giảm tiền sử dụng đất thì được cộng các mức giảm của từng thành viên thành mức giảm chung của cả hộ, nhưng mức giảm tối đa không vượt quá số tiền sử dụng đất phải nộp trong hạn mức đất ở.

4. Trường hợp người hoạt động cách mạng từ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã mất mà vợ (hoặc chồng) còn sống thì vợ (hoặc chồng) được hưởng miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định.

Điều 3. Miễn tiền sử dụng đất

1. Đối tượng được miễn, giảm tiền sử dụng đất theo Quy định này khi mua nhà thuộc sở hữu Nhà nước thì được miễn toàn bộ tiền sử dụng đất đối với nhà ở nhiều tầng nhiều hộ ở.

2. Miễn tiền sử dụng đất cho các đối tượng: Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật, bệnh tật từ 81% trở lên; thân nhân của liệt sỹ đang hưởng tiền tuất nuôi dưỡng hàng tháng khi được mua nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước là nhà ở một tầng hoặc nhà ở nhiều tầng có một hộ ở; khi được giao đất ở, được chuyển mục đích sử dụng từ đất khác sang làm đất ở, được công nhận quyền sử dụng đất ở.

3. Người hoạt động cách mạng từ trước năm 1945 (gia nhập tổ chức cách mạng từ ngày 31 tháng 12 năm 1944 về trước, đã được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ra quyết định công nhận), khi mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước được miễn tiền sử dụng đất như sau:

a) Người gia nhập tổ chức cách mạng từ ngày 31 tháng 12 năm 1935 về trước được miễn toàn bộ tiền sử dụng đất (không phân biệt diện tích trong hay ngoài hạn mức đất ở).

b) Người gia nhập tổ chức cách mạng trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 1936 đến ngày 31 tháng 12 năm 1944 được miễn tiền sử dụng đất không quá hạn mức đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định; riêng trường hợp được tặng Huân chương Sao Vàng hoặc Huân chương Hồ Chí Minh hoặc Huân chương Độc lập hạng nhất, được miễn tiền sử dụng đất diện tích đất ở không quá 300 m².

4. Người hoạt động cách mạng từ trước năm 1945 đang thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước thuộc diện nhà ở không được bán theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 34/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về quản lý nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước, khi được chuyển đổi sang nhà ở khác hoặc được giao đất ở thì được miễn tiền sử dụng đất như sau:

a) Người gia nhập tổ chức cách mạng từ ngày 31 tháng 12 năm 1935 về trước được miễn tiền sử dụng đất diện tích không quá 400 m².

b) Người gia nhập tổ chức cách mạng trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 1936 đến ngày 31 tháng 12 năm 1944 được miễn tiền sử dụng đất diện tích không quá hạn mức đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định; riêng đối với các trường hợp được tặng Huân chương Sao Vàng hoặc Huân chương Hồ Chí Minh hoặc Huân chương Độc lập hạng nhất thì được miễn tiền sử dụng đất diện tích không quá 300 m².

Điều 4. Giảm tiền sử dụng đất

1. Giảm 90% tiền sử dụng đất cho các đối tượng: Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật, bệnh tật từ 61% đến 80%.

2. Giảm 80% tiền sử dụng đất cho các đối tượng: Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật, bệnh tật từ 41% đến 60%; Người gia nhập tổ chức cách mạng trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến trước Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 được công nhận cán bộ hoạt động cách mạng “tiền khởi nghĩa”.

3. Giảm 70% tiền sử dụng đất cho các đối tượng: Thân nhân của liệt sỹ quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp “Giấy chứng nhận gia đình liệt sỹ”, gồm: cha đẻ, mẹ đẻ; vợ hoặc chồng; con; người có công nuôi dưỡng khi liệt sỹ còn nhỏ, bao gồm cả các trường hợp có hoặc không được hưởng trợ cấp hàng tháng); thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật từ 21% đến 40%; người có công giúp đỡ cách mạng đang được hưởng trợ cấp hàng tháng; người có công giúp đỡ cách mạng được tặng Kỷ niệm chương “Tổ quốc ghi công” hoặc Bằng “Có công với nước”, người có công giúp đỡ cách mạng trong gia đình được tặng Kỷ niệm chương “Tổ quốc ghi công” hoặc Bằng “Có công với nước”.

4. Giảm 65% tiền sử dụng đất cho các đối tượng: Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày; người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng I hoặc Huân chương chiến thắng hạng I.

5. Trường hợp người hoạt động cách mạng từ trước năm 1945 mà cả vợ và chồng đã mất mà các con có khó khăn về nhà ở thì được hỗ trợ cải thiện nhà ở; tổng số tiền hỗ trợ bao gồm cả hỗ trợ bằng hình thức miễn, giảm tiền sử dụng đất tối đa là 50 triệu đồng.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC GIẢI QUYẾT VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN

Điều 5. Đối với người sử dụng đất

Người sử dụng đất lập 03 (ba) bộ hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi có đất để được xem xét miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định.

Hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị miễn, giảm tiền sử dụng đất (Phụ lục kèm theo).
- Bản sao các loại giấy tờ sau:
 - + Sổ hộ khẩu;
 - + Các loại giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm;
 - + Các giấy tờ về việc mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước hoặc được giao đất ở hoặc được chuyển mục đích sử dụng từ đất khác sang đất ở hoặc được công nhận quyền sử dụng đất ở.

Bản sao các loại giấy tờ nêu trên là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực; trường hợp bản sao không có chứng thực thì phải xuất trình bản chính để đối chiếu.

- Trường hợp người sử dụng đất không có hộ khẩu thường trú tại xã, phường, thị trấn nơi có đất thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đăng ký hộ khẩu thường trú về việc chưa được miễn, giảm tiền sử dụng đất theo diện người có công với cách mạng.

Điều 6. Đối với các cơ quan nhà nước

1. Ủy ban nhân dân cấp xã:

Khi nhận được hồ sơ đề nghị miễn, giảm tiền sử dụng đất của người sử dụng đất, trong thời hạn không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

- Căn cứ tình hình nhà ở của các đối tượng chính sách trên địa bàn, tiến hành kiểm tra, xác định đối tượng; mức miễn, giảm tiền sử dụng đất.

- Trường hợp thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền sử dụng đất, lập văn bản đề nghị gửi Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) xem xét. Văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã phải ghi rõ đối tượng được miễn, giảm; diện tích, thửa đất được miễn, giảm; mức (tỷ lệ %) miễn, giảm của từng trường hợp cụ thể, kèm theo 02 (hai) bộ hồ sơ xin miễn, giảm tiền sử dụng đất của người sử dụng đất.

- Trường hợp không thuộc đối tượng được miễn, giảm hoặc hồ sơ chưa đầy đủ thì có văn bản trả lời cho người sử dụng đất được biết.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Trong thời hạn không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

- Kiểm tra, xác minh lại từng trường hợp cụ thể về đối tượng, mức miễn, giảm theo quy định.

- Trường hợp thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập văn bản đề nghị kèm theo 01 (một) bộ hồ sơ xin miễn, giảm tiền sử dụng đất của người sử dụng đất gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định. Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp huyện phải ghi rõ đối tượng được miễn, giảm; mức (tỷ lệ %) miễn, giảm của từng trường hợp cụ thể.

- Trường hợp không thuộc đối tượng được miễn, giảm hoặc hồ sơ chưa đầy đủ thì có văn bản trả lời Ủy ban nhân dân cấp xã biết.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

Trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

- Kiểm tra hồ sơ của từng trường hợp cụ thể về đối tượng, mức miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định.

- Trường hợp đủ điều kiện ban hành quyết định miễn, giảm tiền sử dụng đất, Sở Lao động - Thương binh Xã hội soạn thảo quyết định miễn, giảm tiền sử dụng đất kèm theo Tờ trình, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định.

- Trường hợp không đủ điều kiện ban hành quyết định miễn, giảm, có văn bản trả lời cho Ủy ban nhân dân cấp huyện biết.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh:

Trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình kèm theo bản dự thảo quyết định do Sở Lao động - Thương binh Xã hội trình, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định miễn, giảm tiền sử dụng đất cho từng trường hợp cụ thể; gửi quyết định cho người sử dụng đất và các cơ quan có liên quan.

5. Cơ quan Thuế:

Căn cứ hồ sơ đất thực hiện nghĩa vụ tài chính do cơ quan Tài nguyên và Môi trường chuyển đến và quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc miễn, giảm tiền sử dụng đất, cơ quan Thuế (Chi cục Thuế các huyện, thị xã, thành phố) có trách nhiệm xác định cụ thể số tiền sử dụng đất được miễn, giảm trên Thông báo nộp tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đối với các trường hợp được Nhà nước giao đất để làm nhà ở, được phép chuyển mục đích sử dụng từ đất khác sang làm đất ở, được công nhận quyền sử dụng đất ở.

Thời gian thực hiện tại cơ quan Thuế không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người sử dụng đất do cơ quan Tài nguyên và Môi trường chuyển đến.

6. Sở Xây dựng, Sở Tài chính:

Căn cứ hồ sơ bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho người đang thuê và quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc miễn, giảm tiền sử dụng đất, Sở Xây dựng có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính xác định cụ thể giá đất ở được miễn, giảm trong giá bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, thông báo cho người mua nhà biết để thực hiện.

Thời gian thực hiện tại Sở Xây dựng không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định miễn, giảm tiền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Chương III:
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành nêu tại Điều 6 của Quy định này chịu trách nhiệm thực hiện việc miễn, giảm tiền sử dụng đất theo đúng Quy định này.

Điều 8. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố báo cáo về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để xem xét, hướng dẫn thực hiện; trường hợp phức tạp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo, đề xuất ý kiến cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Đã ký: Trần Văn Nam**

Phụ lục
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT
(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-UBND
ngày 23/3/2015 của UBND tỉnh Bình Dương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT
Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn)

Tôi tên là:

Sinh ngày: tháng năm

Hiện cư ngụ tại: Số nhà: Ấp (Khu phố) xã (phường, thị trấn), huyện (thị xã), tỉnh Bình Dương.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã (phường, thị trấn), huyện (thị xã).....tỉnh

Thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, đối tượng là (nêu đối tượng cụ thể như: Người hoạt động cách mạng từ trước Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Thương binh mất sức lao động bao nhiêu % ...).

Tôi đang sử dụng thửa đất ở số, tờ bản đồ số, tọa lạc tại ấp (khu phố), xã (phường, thị trấn), huyện (thị xã, thành phố), tỉnh Bình Dương;

Diện tích đất ở: m². Nguồn gốc đất ở:(được Nhà nước giao đất làm nhà ở hoặc chuyển mục đích sử dụng đất từ đất khác sang đất ở hoặc được công nhận quyền sử dụng đất ở hoặc được mua nhà thuộc sở hữu nhà nước).

Căn cứ chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở, nay tôi làm đơn này đề nghị Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) xem xét và kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho tôi được miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với với diện tích đất ở nêu trên.

Tôi xin cam đoan từ trước đến nay chưa được hưởng chính sách miễn, giảm tiền sử dụng đất theo diện người có công với cách mạng, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Ngày tháng năm

Người làm đơn

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao Sổ hộ khẩu thường;
- Bản sao các giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền sử dụng đất;
- Bản sao các giấy tờ về việc mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước hoặc được giao đất ở hoặc được chuyển mục đích sử dụng từ đất khác sang đất ở hoặc được công nhận quyền sử dụng đất ở.